TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1- HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/KDTM - ST
Ngày 15 tháng 9 năm 2025
" *V/v Tranh chấp hợp tín dụng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1- HƯNG YÊN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Hoàng Thị Ái
- *Các hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Q Chử
Ông Nguyễn Thanh Bình

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Lê Thu Lam – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Hưng Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Hưng Yên tham gia phiên toà: bà Vương Thị Diệu - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2025 tại Trụ sở Toà án nhân dân khu vực 1- Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 14/2025/TLST-KDTM ngày 26/6/2025 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết Đ đưa vụ án ra xét xử số 07/2025/QĐXX- KDTM ngày 21/8/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N

Địa chỉ: Số 2 Láng Hạ, phường Giảng Võ, TP Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V – Chức vụ: Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Hồng Q – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N – chi nhánh Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.

Người được ủy quyền: Ông Hoàng N Đ – Chức vụ: Trưởng phòng khách hàng Ngân hàng N – chi nhánh Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.

- Bị đơn: Công ty TNHH Thương mại và vận tải S.

Địa chỉ: thôn T, xã H, tỉnh H(Địa chỉ cũ: thôn Trà Phương, xã Hồng Q, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên)

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Sơn

Ông Đ, ông Sơn có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/6/2025 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày, nội dung vụ án như sau:

Công ty TNHH Thương mại và vận tải S (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 0900535368 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp ngày 08/03/2010), có địa chỉ tại hôn Trà Phương, xã Hồng Văn, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên *(Nay là Thôn Trà Phương, xã Hồng Q, tỉnh Hưng Yên)* vay vốn tại Agribank chi nhánh huyện Ân Thi Hưng Yên theo các Hợp đồng tín dụng như sau:

* Hợp đồng tín dụng số 2409-LAV-201003415 ngày 08/09/2010; Số tiền vay 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng); thời gian cho vay 50 tháng kể từ ngày bên vay nhận tiền vay lần đầu tiên; mức lãi suất 15%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cùng loại; mục đích vay để mua xe ô tô vận tải.

* Hợp đồng tín dụng số 04411/HĐTD ngày 04/04/2011; số tiền vay 1.700.000.000 đồng (Một tỷ, bẩy trăm triệu đồng); thời gian cho vay 58 tháng kể từ ngày bên vay nhận tiền vay lần đầu; mức lãi suất 19%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cùng loại; mục đích vay để mua xe ô tô.

Để đảm bảo cho khoản vay, Công ty TNHH Thương mại và vận tải S đã thế chấp tài sản là 02 xe ô tô tải Ben thuộc tài sản của công ty theo Hợp đồng thế chấp số 2409-LCP-201100189 ngày 29/03/2011 (*theo thoả thuận, thống nhất giá trị của hai ô tô trên là 2.600.000.000 đồng*) cụ thể như sau:

- Xe thứ nhất: Xe tải nhãn hiệu Howo; Số khung: 06100708907; Số máy: C36A105709; Đăng ký xe ô tô số 004617 do Phòng cảnh sát Giao thông - Công an tỉnh Hưng Yên cấp ngày 22/04/2011; Biển số đăng ký: 89C-00.48.

- Xe thứ hai: Xe tải Ben; Số khung: 06100708807; Số máy: C76A105714; Đảng ký xe ô tô số 004618 do Phòng cảnh sát Giao thông - Công an tỉnh Hưng Yên cấp ngày 22/04/2011; Biển số đăng ký: 89C-00.49 đã xử lý tài sản thu hồi nợ *(có hồ sơ mua bán nợ kèm theo)*.

Tài sản đã được đăng ký thế chấp theo quy Đ tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Hà Nội - Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm ngày 25/05/2011.

Tuy nhiên, từ khoảng giữa năm 2013 đến thời điểm hiện tại thì Công ty TNHH Thương mại và vận tải S đã gặp khó khăn trong hoạt động kinh doanh thương mại, bị nợ đọng tiền hàng, không có nguồn thu trả nợ, Agribank chi nhánh Ân Thi đã thực hiện gia hạn nợ cho công ty đến ngày 09/09/2013 để công ty từng bước tháo gỡ khó khăn nhưng khoản vay của công ty vẫn chuyển nợ quá hạn kể từ ngày 15/09/2014. Agribank chi nhánh Ân Thi, Hưng Yên đã nhiều lần làm việc cùng khách hàng, đôn đốc trả nợ và tìm hướng khắc phục khó khăn, công ty đã bàn giao một số tài sản cho ngân hàng thực hiện xử lý thông qua bán đấu giá để thu hồi nợ. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, Công ty TNHH Thương mại và vận tải S vẫn không thanh toán được khoản nợ tại Agribank chi nhánh Ân Thi, Hưng Yên nên để phát sinh nợ quá hạn.

Tính đến hết ngày 31/05/2025, nợ gốc và lãi của Công ty TNHH Thương mại và vận tải S tại Agribank chi nhánh huyện Ân Thi Hưng Yên. Cụ thể như sau:

- Nợ gốc là: 1.527.852.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ, năm trăm hai mươi bảy triệu, tám trăm năm mươi hai nghìn đồng)

- Nợ lãi các loại là: 731.198.522 đồng (Phát sinh theo thỏa thuận đã ký kết theo Hợp đồng tín dụng đã ký giữa 2 bên, chỉ tính lãi suất trong hạn, không tính lãi suất quá hạn)

- Tổng cộng số tiền là: 2.259.050.522 đồng

(Bằng chữ: Hai tỷ, hai trăm năm mươi chín triệu, không trăm năm mươi nghìn, năm trăm hai mươi hai đồng)

Ngày 24/6/2025, Ngân hàng Agribank chi nhánh huyện Ân Thi, Hưng Yên đã có đơn khởi kiện gửi Tòa án nhân dân huyện Ân Thi (nay là Toà án nhân dân khu vực 1) yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc Công ty TNHH Thương mại và vận tải S thanh toán toàn bộ số tiền gốc còn lại, lãi phát sinh các loại cho Ngân hàng No&PTNT Việt N – chi nhánh huyện Ân Thi theo hợp đồng tín dụng số 2409-LAV-201003415 ngày 08/09/2010 và 04411/HĐTD ngày 04/04/2011 và phụ lục kèm theo với t**ổng cộng số tiền là 2.259.050.522 đồng** bao gồm tiền gốc, tiền lãi đến hết ngày 31/05/2025, cụ thể: Nợ gốc là 1.527.852.000 đồng; lãi trong hạn 731.198.522 đồng; Lãi quá hạn 0 đồng.

2. Trường hợp Công ty TNHH Thương mại và vận tải S không có tiền trả nợ Ngân hàng No&PTNT Việt N - Chi nhánh huyện Ân Thi Hưng Yên thì đề nghị cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại toàn bộ tài sản bảo đảm của Công ty TNHH Thương mại và vận tải S để thu hồi nợ theo quy Đ pháp luật.

3. Công ty TNHH Thương mại và vận tải S phải tiếp tục thanh toán các khoản lãi phát sinh kể từ ngày 01/06/2025 cho Ngân hàng N - chi nhánh huyện Ân Thi Hưng Yên cho đến khi trả hết nợ.

4. Nếu vẫn không trả hết toàn bộ nợ (gốc, lãi và phí phát sinh liên quan (nếu có) thì Ngân hàng N tiếp tục yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc sở hữu, sử dụng của Công ty TNHH Thương mai và vận tải S để thu hồi khoản vay của Công ty TNHH Thương mại và vận tải S tại Ngân hàng N - Chi nhánh huyện Ân Thị Hưng Yên.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành làm việc với ông Nguyễn Văn Sơn - là giám đốc đại diện theo pháp luật của công ty TNHH Thương mại và vận tải S. Ông Sơn thừa nhận có ký 02 Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Agribank chi nhánh huyện Ân Thi Hưng Yên, vay số tiền lần 1 là 800.000.000 đồng và lần 2 là 1.700.000.000 đồng, mục đích để mua xe ô tô vận tải, đều được ngân hàng giải ngân và đã nhận đủ số tiền giải ngân, để đảm bảo hai khoản vay trên công ty đã thế chấp tại ngân hàng 02 xe ô tô cụ thể ô tô BKS 89C-00.48 và ô tô BKS 89C-00.49 (chiếc xe này đã được ngân hàng bán đấu giá trừ vào khoản vay của công ty). Ông Sơn có nguyện vọng được thương lượng với ngân hàng tìm phương án thanh toán nợ và đề nghị xem xét miễn giảm tiền lãi.

Đối với chiếc xe ô tô BKS 89C-00.48: Ngày 15/8/2025, ông Sơn đã đưa xe ô tô về trụ sở Ngân hàng Agribank chi nhánh huyện Ân Thi, sau khi kiểm tra thì số khung vẫn trùng khớp còn số máy thì đã bị thay đổi sang số W615.6907020720195. Ông Sơn trình bày do quá trình sử dụng xe ô tô trên bị hỏng máy không thể khắc phục, sửa chữa nên đã phải thay máy mới để xe hoạt động, không phải ông cố tình làm thay đổi hiện trạng của xe ô tô đã thế chấp tại ngân hàng.

Tại phiên tòa: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có ý kiến: Yêu cầu công ty TNHH Thương mại và vận tải S phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán đối với hai khoản vay trên, tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (15/9/2025) tổng số tiền phải trả 2.281.120.344 đồng (Hai tỷ hai trăm tám mươi một triệu một trăm hai mươi nghìn ba trăm bốn bốn đồng); trong đó: Nợ gốc 1.527.852.000 đồng , nợ lãi 753.268.344 đồng. Trường hợp Công ty TNHH Thương mại và vận tải S không thực hiện trả nợ Ngân hàng N – Chi nhánh Ân Thi Hưng Yên thì đề nghị cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại toàn bộ tài sản bảo đảm còn lại để thu hồi nợ theo qui Đ pháp luật. Đề nghị Tòa tuyên công ty TNHH Thương mại và vận tải S phải tiếp tục thanh toán các khoản lãi phát sinh kể từ ngày 16/9/2025 cho Ngân hàng N – Chi nhánh Ân Thi Hưng Yên cho đến khi trả hết nợ. Nếu vẫn không trả hết toàn bộ nợ (gốc, lãi) thì Ngân hàng N – Chi nhánh Ân Thi Hưng Yên tiếp tục yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc sở hữu, sử dụng của công ty TNHH Thương mại và vận tải S để thu hồi khoản vay của công ty tại Ngân hàng N – Chi nhánh Ân Thi Hưng Yên.

Bị đơn có ý kiến: Nhất trí với số tiền mà công ty hiện còn nợ ngân hàng, đề nghị phía ngân hàng phát mại tài sản bảo đảm, được bao nhiêu trừ vào nợ gốc, số lãi xin Ngân hàng miễn, giảm lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 tham gia phiên tòa phát biểu về tố tụng và nội dung vụ án:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán đã thụ lý vụ án, lấy lời khai, xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ, ban hành và tống đạt các văn bản tố tụng đúng quy Đ. Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy Đ của BLTTDS về phiên tòa sơ thẩm.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

- Đối với nguyên đơn, người đại diện của nguyên đơn: Quá trình chuẩn bị xét xử đã thực hiện đúng quy Đ tại Điều 70; 71 BLTTDS và Điều 564 BLDS.

- Đối với bị đơn là anh Nguyễn Văn Sơn đã đến làm việc theo giấy triệu tập của Toà án, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thực hiện đúng quy Đ tại Điều 70 BLTTDS.

Căn cứ Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng 2010; Điều 117; Điều 119; Điều 274, khoản 1 Điều 275; Điều 280; 351; 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự

năm 2015; Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy Đ của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo hướng:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N - chi nhánh huyện Ân Thi Hưng Yên, buộc Công ty TNHH Thương mại và vận tải S phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ gốc còn lại theo hợp đồng tín dụng và lãi suất còn lại theo thỏa thuận đã ký kết giữa các bên.

- Trường hợp Công ty TNHH Thương mại và vận tải S không trả được số tiền nêu trên thì Ngân hàng N - chi nhánh huyện Ân Thi Hưng Yên được quyền yêu cầu Cơ quan THADS phát mại tài sản đã thế chấp để đảm bảo nghĩa vụ của hợp đồng đã ký kết. Trường hợp tài sản đảm bảo không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N - chi nhánh huyện Ân Thi Hưng Yên thì Công ty TNHH Thương mại và vận tải S tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

- Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Công ty TNHH Thương mại và vận tải S phải chịu án phí KDTM sơ thẩm. Trả lại nguyên đơn Ngân hàng N - chi nhánh huyện Ân Thi Hưng Yên số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục THADS huyện Ân Thi cũ.

NHẬN Đ CỦA TÒA ÁN:

Sau khi đã nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận Đ như sau:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa bị đơn với Ngân hàng N, chi nhánh Ân Thi nên đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng quy Đ tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS. Bị đơn có trụ sở tại thôn Trà Phương, xã Hồng Q, huyện Ân Thi (nay là xã Hồng Q, Hưng Yên) nên thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Ân Thi (nay là TAND khu vực 1, Hưng Yên) theo quy Đ tại Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[2] Về tư cách tố tụng: Sau khi kiểm tra, nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Tòa án căn cứ vào khoản 2,3,4 Điều 68 của BLTTDS xác Đ tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án như phần đầu của bản án và bảo đảm được quyền, lợi ích hợp pháp cho các đương sự đúng quy Đ của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng:

3.1 Xét hợp đồng tín dụng đã ký kết: Ông Sơn đại diện theo pháp luật của công ty TNHH Thương mại và vận tải S thừa nhận vay theo Hợp đồng tín dụng số 2409-LAV-201003415 ngày 08/09/2010, giấy nhận nợ; số tiền vay 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng); thời gian cho vay 50 tháng kể từ ngày bên vay nhận tiền vay lần đầu tiên; mức lãi suất 15%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất

cùng loại và Hợp đồng tín dụng số 04411/HĐTD ngày 04/04/2011, giấy nhận nợ; số tiền vay 1.700.000.000 đồng (Một tỷ, bẩy trăm triệu đồng); thời gian cho vay 58 tháng kể từ ngày bên vay nhận tiền vay lần đầu; mức lãi suất 19%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cùng loại; mục đích vay để mua xe ô tô vận tải để kinh doanh, ông Sơn thừa nhận đã ký với Ngân hàng và đã thực hiện thủ tục giải ngân số tiền vay gốc như trên, ông Sơn thừa nhận còn nợ tiền vay như ngân hàng xác Đ tính đến ngày 15/9/2025. Do đó, các hợp đồng tín dụng đã ký kết, căn cứ Điều 92 BLTTDS đây là tình tiết không phải chứng minh. Vì vậy, HĐXX thấy các hợp đồng tín dụng nêu trên được ký kết vào năm 2010, 2011 có hình thức nội dung thỏa thuận phù hợp với quy Đ tại điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Các bên thỏa thuận lãi suất trong hạn, lãi suát quá hạn nêu trong hợp đồng phù hợp với quy Đ tại Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 có hiệu lực páp luật, các bên có nghĩa vụ thực hiện.

Bị đơn xác Đ còn nợ tiền vay và thống nhất trả nợ cho nguyên đơn nên Ngân hàng yêu cầu công ty TNHH Thương mại và vận tải S trả nợ vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với tổng số nợ tính đến ngày 15/9/2025, tổng số tiền phải trả 2.281.120.344 đồng (Hai tỷ hai trăm tám mươi một triệu một trăm hai mươi nghìn ba trăm bốn bốn đồng); trong đó: Nợ gốc 1.527.852.000 đồng , nợ lãi 753.268.344 đồng, không xem xét lãi quá hạn, lãi chậm trả là có căn cứ chấp nhận. Đồng thời công ty phải chịu trách nhiệm trả tiền lãi phát sinh theo 02 hợp đồng tín dụng đã ký từ ngày 16/9/2025 cho đến khi trả dứt nợ.

3.2 Xử lý tài sản bảo đảm: Để đảm bảo cho khỏan vay, Công ty TNHH Thương mại và vận tải S đã thế chấp tài sản là 02 xe ô tô tải Ben thuộc tài sản của công ty theo Hợp đồng thế chấp số 2409-LCP-201100189 ngày 29/03/2011, cụ thể như sau:

- Xe thứ nhất: Xe tải nhãn hiệu Howo; Số khung: 06100708907; Số máy: C36A105709; Đăng ký xe ô tô số 004617 do Phòng cảnh sát Giao thông - Công an tỉnh Hưng Yên cấp ngày 22/04/2011; Biển số đăng ký: 89C-00.48.

- Xe thứ hai: Xe tải Ben, nhãn hiệu CNHTC; Số máy: 06100708807; Số khung: C76A105714; Đảng ký xe ô tô số 004618 do Phòng cảnh sát Giao thông - Công an tỉnh Hưng Yên cấp ngày 22/04/2011; Biển số đăng ký: 89C-004.49.

Do làm ăn thua lỗ, Công ty TNHH Thương mại và vận tải S không trả được nợ. Agribank chi nhánh Ân Thi, Hưng Yên đã nhiều lần làm việc cùng khách hàng, đôn đốc trả nợ và tìm hướng khắc phục khó khăn, Công ty TNHH Thương mại và vận tải S đã bàn giao xe ô tô BKS 89C-004.49 cho ngân hàng thực hiện xử lý thông qua bán đấu giá để thu hồi nợ thể hiện tại biên bản đấu giá tài sản, hợp đồng mua bán tài sản đấu giá số 47/HDDMB xe số 2 ngày 22/11/2019. Việc xử lý tài sản trên phù hợp quy Đ tại Điều 4 Hợp đồng thế chấp số 2409-LCP-201100189 ngày 29/03/2011, Ngân hàng và ông Sơn không có yêu cầu, ý kiến gì đối với chiếc xe này nên HĐXX không xem xét.

Đối với xe tải nhãn hiệu Howo; Số khung: 06100708907; Số máy: C36A105709; Đăng ký xe ô tô số 004617 do Phòng cảnh sát Giao thông - Công an tỉnh Hưng Yên cấp ngày 22/04/2011; Biển số đăng ký: 89C-004.48. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm Đ tại chỗ đối với xe ô tô này thì số máy đã có thay đổi thành WD 615.6907020720197. Bị đơn trình bày do quá trình sử dụng xe ô tô trên bị hỏng máy không thể khắc phục, sửa chữa nên đã phải thay máy mới để xe hoạt động. Tòa án đã có công văn yêu cầu Phòng CSĐT công an tỉnh Hưng Yên tra cứu số máy, số khung của xe tải này có nằm trong kho vật chứng không, qua tra cứu số máy cũ và số máy mới đều không nằm trong kho vật chứng, tại phiên tòa đại diện nguyên đơn nhất trí với sự thay thế số máy này và bị đơn nhất trí bàn giao xe cho Ngân hàng để xử lý nên yêu cầu của Ngân hàng đề nghị xử lý tà sản bảo đảm trong trường hợp Công ty TNHH Thương mại và vận tải S không thanh toán được nợ là có căn cứ, phù hợp quy Đ tại Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Trường hợp toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán hết nợ thì Công ty TNHH Thương mại và vận tải S vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho Agribank.

[5] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N được chấp nhận nên không phải chịu án phí KDTM, Công ty TNHH Thương mại và vận tải S phải chịu án phí KDTM đối với khoản vay mà Ngân hàng được chấp nhận, mặc dù tại phiên tòa ông Sơn (đại diện theo pháp luật của Công ty) có cung cấp cho HĐXX đơn xin giảm án phí, căn cứ Điều 13 Nghị quyết 326/UBTVQH14 thì Công ty TNHH Thương mại và vận tải S không thuộc trường hợp được giảm án phí, vì vậy không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT Đ:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 30, Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 BLTTDS; Điều 274, khoản 1 Điều 275, 280, 299, 323, 401, 463, 466, 468 của BLDS; khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95, khoản 3 Điều 98 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7, khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số 01 ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy Đ của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326 quy Đ về án phí và lệ phí Tòa án; Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước Việt N.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc Công ty TNHH Thương mại và vận tải S có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N tổng số tiền tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (15/9/2025) là: 2.281.120.344 đồng (Hai tỷ hai trăm tám mươi một triệu một trăm hai mươi nghìn ba trăm bốn bốn đồng); trong đó: Nợ gốc 1.527.852.000 đồng, nợ lãi 753.268.344 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Công ty TNHH Thương mại và vận tải S tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 2409-LAV-201003415 ngày 08/09/2010 và Hợp đồng tín dụng số 04411/HĐTD ngày 04/04/2011 tương ứng với số tiền chưa thi hành án.

Nếu công ty TNHH Thương mại và vận tải S không thực hiện nghĩa vụ thanh toán công nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng N có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản theo Hợp đồng thế chấp số 2409-LCP-201100189 ngày 29/03/2011 là xe tải nhãn hiệu Howo; Số khung: 06100708907; Số máy: C36A105709 (nay số máy WD 615.6907020720197); Đăng ký xe ô tô số 004617 do Phòng cảnh sát Giao thông - Công an tỉnh Hưng Yên cấp ngày 22/04/2011; Biển số đăng ký: 89C-004.48 để thu hồi nợ. Trường hợp số tiền thu hồi sau khi xử lý tài sản đảm bảo trên không đủ để trả nợ cho Ngân hàng N thì công ty TNHH Thương mại và vận tải S tiếp tục phải thanh toán khoản nợ còn lại cho Ngân hàng N.

2. Về án phí: Công ty TNHH Thương mại và vận tải S phải chịu 77.622.406 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại Ngân hàng N số tiền 38.000.000 đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0001538 ngày 26/6/2025 của Cơ quan thi hành án dân sự huyện Ân Thi (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 1- Hưng Yên).

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c-ưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận
- Phòng Giám đốc, kiểm tra, thanh tra và thi hành án tỉnh;
- VKS khu vực 1- Hưng Yên;
- Các đương sự;
- Thi hành án dân sự tỉnh;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Ái